TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 304/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 12 – 2022
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
- Bà Trương Ánh Hoa.
- Ông Tạ Bửu Thương.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thúy Kiều, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 675/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 361/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q (Út L), sinh năm 1978 (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã V, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 28/11/2022 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H chung sống vợ chồng vào năm 1997, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra bất đồng trong làm ăn, anh H ghen tuông, không quan tâm, chăm sóc, chia sẽ cuộc sống gia đình. Nay chị xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn anh H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vi T, sinh ngày 18/01/2001; con tên Nguyễn Hoài Th, sinh ngày 06/6/2004. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện chung sống vợ chồng đúng như chị Q trình bày. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn lớn, nay chị Q cương quyết xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vi T, sinh ngày 18/01/2001; con tên Nguyễn Hoài Th, sinh ngày 06/6/2004. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Anh khai không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Q đều xác định anh chị chung sống vợ chồng vào năm 1997, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Q, anh H xác định có 02 con chung tên Nguyễn Vi T, sinh ngày 18/01/2001; con tên Nguyễn Hoài Th, sinh ngày 06/6/2004. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Chị Q, anh H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét; trường hợp anh, chị không thỏa thuận được có quyền yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn.

[6] Về nợ chung: Chị Q, anh H khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra xem xét.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.
- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vi T, sinh ngày 18/01/2001; Nguyễn Hoài Th, sinh ngày 06/6/2004. Hiện các con đã trưởng thành, nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ. Ngày 28 tháng 11 năm 2022, chị Q đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0002536 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.